

Bản án số: 594/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Bích H; Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, Quận A, Thành phố H

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn P; Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Khu phố H, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà H có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 01/3/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Bích H trình bày:

Bà và ông Trần Văn P quen nhau từ năm 2005. Đến năm 2008, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Từ năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P có người khác, về nhà thì đánh đập bà, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống. Ông bà đã thử hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Vy K, sinh 2006. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn P trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng như bà H trình bày. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà H có mối quan hệ không trong sáng với người khác, vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Hiện nay, ông muốn vợ chồng có thêm thời gian để hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Vy K, sinh 2006. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P; Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu được ly hôn ông P và ông P cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông P xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống; ông P có người khác, về nhà thì đánh đập bà, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống. Bà H đã nhiều lần tha thứ, tạo điều kiện cho ông P sửa đổi nhưng ông P không khắc phục được. Từ đầu năm 2019, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống. Việc ông P xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bà H có mối quan hệ không trong sáng với người khác, vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Ông vẫn muốn vợ chồng có thêm thời gian để hàn gắn nên không đồng ý ly hôn. Xét, qua quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để ông bà nói chuyện, hàn gắn gia đình nhưng bà H kiên quyết ly hôn, ông P cũng không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ và dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thể hiện sự không còn muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với bà H. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông P không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà H và ông P.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 193, quyển số 05/2008 ngày 11/8/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B và lời khai của bà H, ông P thì có đủ căn cứ xác định bà H và ông P có 01 người con chung là Trần Vy K, sinh 2006

Xét, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng khi ông bà ly hôn. Đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được ở với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Bích H và ông Trần Văn P
2. Về con chung: Giao bà Lê Bích H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Vy K, sinh 2006 và ông Trần Văn P không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Bích H chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Bích H đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B cấp cho bà Lê Bích H và ông Trần Văn P không còn giá trị pháp lý.

6. Bà Lê Bích H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND TT P, huyện P, tỉnh B;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh